

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty TNHH GPX Việt Nam
- 1.2. Địa chỉ: 29/23 Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /~~Xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác⁽⁺⁾:
- 1.4. Nhãn hiệu: YAMAHA
- 1.5. Tên thương mại: JUPITER mXKING 150
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): T150
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 18KXM/339410
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 2636/NETC-KT-MC/18, ngày 01/11/2018

2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 116 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 267 (kg)
- 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: G3E6E Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng.
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 150 cm³.
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 11,3kW/8500rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: Cơ khí/~~Tự động~~⁽¹⁾
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: 5 số
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 2,833/ 1,875/ 1,429/ 1,143/ 0,957
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 3,000
- 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 70/90-17M/C, áp suất lốp: --- kPa.
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 120/70-17M/C, áp suất lốp: --- kPa.



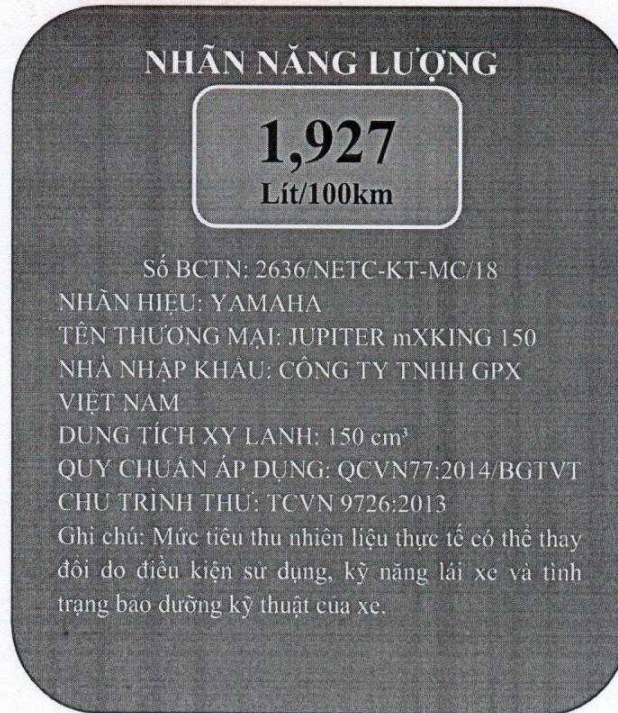
2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 110 km/h.

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: TCVN 9726:2013/~~TCVN 7358:2010/TCVN 9726:2013~~.⁽¹⁾

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 1,927 lít/100 km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai



5. Ghi chú (nếu có):

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 05 năm 2021
Công ty TNHH GPX Việt Nam



**PHÓ GIÁM ĐỐC
LƯƠNG VĂN LONG**

Ghi chú:

⁽¹⁾ Gạch ngang phân không áp dụng.

⁽²⁾ Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm